



TRONG SỐ NÀY

TỔNG QUAN	3
Các chỉ số kinh tế vĩ mô	3
Tiêu thụ nội địa và xuất khẩu	3
Sản xuất và vận hành	4
Tiêu điểm trong tháng	4
CHUYỂN ĐỘNG NGÀNH & DN	5
Chuyển động quốc tế	5
Bối cảnh thị trường trong nước	6
Điểm nhấn doanh nghiệp	6
Xu hướng nổi bật của ngành	7
BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG	7
Nhận định - xu hướng	7
Chính sách - quy hoạch	8
Biến động giá nguyên nhiên VL	8
Biến động giá VLXD	9
Phân tích tác động	10
NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO	10
Tín hiệu thị trường	10
Trụ đỡ chính và yếu tố hỗ trợ	10
Cơ hội và thách thức	11
Áp lực và triển vọng	11
KẾT NỐI ĐỘC GIẢ	11
Hỏi đáp?	11
Bạn có biết?	12

**THƯ VIỆN SỐ VỚI 5.000
TÀI LIỆU CHUYÊN NGÀNH**



Tài liệu kỹ thuật – Quy trình vận hành



Báo cáo thị trường xi măng theo tháng, quý, năm



Tiêu chuẩn – Quy chuẩn ngành



Thông báo giá xi măng và VLXD



Các ấn phẩm xuất bản trong và ngoài nước



Cơ sở lý thuyết – Giáo trình chuyên ngành

01

Hệ thống dây chuyền sản xuất clinker và Trạm nghiền

05

Xuất khẩu xi măng sang các thị trường

02

Thông tin doanh nghiệp ngành

**DỮ LIỆU
THỊ TRƯỜNG
TRONG 20 NĂM
GẦN ĐÂY**

04

Biến động giá xi măng trên cả nước

03

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng hàng tháng



QUÉT MÃ QR
ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN CEM.DATA

TỔNG QUAN

Các chỉ số kinh tế vĩ mô

Bức tranh kinh tế 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục mở rộng với tốc độ cao. GDP quý II tăng 8,39% so với cùng kỳ; GDP 6 tháng tăng 8,18%. Sản xuất công nghiệp, đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư công cùng cải thiện, tạo nền cầu quan trọng cho xi măng và vật liệu xây dựng.

[\[Xem thêm\]](#)

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 6 tháng tăng 10,8%. Đà tăng của chế biến, chế tạo và xây dựng nhà xưởng hỗ trợ nhu cầu xi măng, bê tông và vật liệu hoàn thiện, nhất là tại các trung tâm công nghiệp và logistics.

Vốn FDI đăng ký đạt 34,65 tỷ USD, tăng 61,0%; vốn thực hiện đạt 13,03 tỷ USD, tăng 11,2% và là mức cao nhất của giai đoạn 5 năm. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước 336 nghìn tỷ đồng, bằng 33,3% kế hoạch năm và tăng 13,5%.

Bảng tổng hợp chỉ số kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm 2026 (so với cùng kỳ năm trước - YOY)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	YOY,%
1	Chỉ số SXCN (IIP)	—	+10,8%
2	CPI bình quân	—	+4,38%
3	FDI đăng ký	34,65 tỷ USD	+61,0%
4	FDI thực hiện	13,03 tỷ USD	+11,2%
5	Vốn đầu tư từ nguồn NSNN	336 nghìn tỷ đồng	+13,5%
6	Tổng kim ngạch XNK	549,69 tỷ USD	+27,1%
6a	Xuất khẩu	266,52 tỷ USD	+21,0%
6b	Nhập khẩu	283,17 tỷ USD	+33,4%
7	Nhập siêu	16,65 tỷ USD	—

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 ĐẦU TƯ CÔNG DUY TRÌ ĐÀ TĂNG

VỐN NSNN ĐÃ THỰC HIỆN

336
nghìn tỷ đồng

TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH

33,3%

SO VỚI CÙNG KỲ

+13,5%

TỶ LỆ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM

33,3% đã thực hiện

66,7% kế hoạch còn lại cho nửa cuối năm

Hàm ý thị trường

Dự địa giải ngân còn lớn; hiệu quả với cầu VLXD phụ thuộc tốc độ chuyển vốn thành khối lượng thi công.

CPI bình quân 6 tháng tăng 4,38%; lạm phát cơ bản tăng 4,12%. Chi phí nhà ở, điện, nhiên liệu và một số vật liệu xây dựng vẫn gây áp lực lên mặt bằng giá, làm thu hẹp dư địa giảm giá bán của doanh nghiệp.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 6 tháng đạt 549,69 tỷ USD, tăng 27,1%. Xuất khẩu đạt 266,52 tỷ USD, nhập khẩu 283,17 tỷ USD; cán cân thương mại nhập siêu 16,65 tỷ USD. Nhu cầu nhập khẩu máy móc và đầu vào tăng phản ánh hoạt động sản xuất đang mở rộng, song cũng làm tăng nhạy cảm với tỷ giá và logistics.

Đối với ngành xi măng và VLXD, nền kinh tế tăng trưởng cao tạo điểm tựa cho cầu hạ tầng và công nghiệp. Tuy nhiên, lạm phát, chi phí vốn, mùa mưa và sự phục hồi chưa đồng đều của xây dựng dân dụng vẫn là các biến số cần theo dõi trong quý III. Nguồn: Cục Thống kê, công bố ngày 03/7/2026. [\[Xem thêm\]](#)

Tiêu thụ nội địa và xuất khẩu

Tháng 06/2026, sản lượng sản xuất xi măng đạt 10,59 triệu tấn, giảm 1,12% so với tháng trước nhưng tăng 7,90% so với cùng kỳ. Tổng tiêu thụ đạt 10,43 triệu tấn,

giảm 3,65% theo tháng và tăng 13,71% theo năm. Nhịp giảm theo tháng phản ánh yếu tố mùa vụ, trong khi nền so sánh cùng kỳ vẫn tích cực. [\[Xem thêm\]](#)

Bảng tổng hợp sản xuất, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu xi măng tháng 06/2026

STT	Chỉ tiêu	Sản lượng, triệu tấn	MOM, %
1	Sản xuất	10,59	98,88%
2	Tổng tiêu thụ	10,43	96,35%
3	Tiêu thụ nội địa	7,50	97,17%
4	Xuất khẩu	2,93	94,30%
4a	Xi măng xuất khẩu	1,80	99,96%
4b	Clinker xuất khẩu	1,13	86,48%

Tiêu thụ nội địa đạt 7,50 triệu tấn, giảm 2,83% so với tháng 5 nhưng tăng 15,69% so với tháng 6/2025; chiếm 71,9% tổng tiêu thụ. Lũy kế 6 tháng, thị trường trong nước đạt 41,58 triệu tấn, tăng khoảng 16% so với cùng kỳ.

Xuất khẩu xi măng và clinker đạt 2,93 triệu tấn, giảm 5,70% theo tháng nhưng tăng 8,93% theo năm. Xi măng thành phẩm gần như đi ngang ở mức 1,80 triệu tấn; clinker giảm 13,52% còn 1,13 triệu tấn. Giá trị xuất khẩu đạt 111,4 triệu USD, tương đương khoảng 38,0 USD/tấn.

Lũy kế 6 tháng, tổng tiêu thụ đạt 60,98 triệu tấn, gồm 41,58 triệu tấn nội địa và 19,40 triệu tấn xuất khẩu. Thị trường vẫn duy trì nền tảng tăng trưởng so với cùng kỳ, nhưng diễn biến tháng 6 cho thấy doanh nghiệp cần linh hoạt lịch vận hành, cơ cấu sản phẩm và chính sách bán hàng trong mùa mưa.

Sản xuất và vận hành

Sản xuất tháng 6 giảm nhẹ hơn tiêu thụ. VICEM sản xuất 2,24 triệu tấn, khối FDI 2,05 triệu tấn và các nhóm khác 6,31 triệu tấn. Chênh lệch tốc độ giữa sản xuất và bán

hàng đặt yêu cầu cao hơn đối với quản trị tồn kho, kế hoạch dừng lò và hiệu quả sử dụng năng lượng.

Nhà máy Xi măng Liên Khê đã chính thức vận hành dây chuyền công suất 3.500 tấn clinker/ngày. Công suất mới bổ sung nguồn cung cho khu vực phía Bắc, đồng thời làm gia tăng yêu cầu cạnh tranh bằng chất lượng, logistics và hiệu suất thay vì chỉ bằng quy mô. [\[Xem thêm\]](#)

Tại Quảng Trị, tổ hợp Xi măng Bạch Đằng và vùng nguyên liệu đang được đề xuất với công suất 2,3 - 3,2 triệu tấn/năm và tổng mức đầu tư dự kiến 6.000 - 8.000 tỷ đồng. Dự án mới ở giai đoạn đề xuất, cần được đánh giá đồng bộ về thị trường, nguyên liệu, hạ tầng cảng và môi trường. [\[Xem thêm\]](#)

Xi măng Đồng Lâm ký hợp đồng EPC triển khai hệ thống sử dụng nhiên liệu thay thế trong sản xuất clinker. Đầu tư vào tiếp nhận, tiền xử lý, cấp liệu và kiểm soát vận hành giúp giảm phụ thuộc nhiên liệu hóa thạch, nhưng hiệu quả phụ thuộc độ ổn định của nguồn chất thải và chất lượng nhiên liệu. [\[Xem thêm\]](#)

Từ cuối tháng 6, ngành xi măng bước vào giai đoạn giao dịch thử nghiệm hạn ngạch phát thải carbon. Đây là bước chuyển từ quản lý phát thải theo báo cáo sang quản trị bằng dữ liệu và chi phí carbon, đòi hỏi doanh nghiệp hoàn thiện hệ thống đo đếm, thẩm tra và lập đường cơ sở. [\[Xem thêm\]](#)

Trọng tâm vận hành trong quý III vì vậy không chỉ là duy trì sản lượng. Các nhà máy cần đồng thời tối ưu hệ số sử dụng thiết bị, suất tiêu hao nhiệt - điện, tỷ lệ clinker, phụ gia khoáng, nhiên liệu thay thế và lịch bảo dưỡng để bảo vệ biên lợi nhuận trong bối cảnh cầu theo mùa chậm lại.

Tiêu điểm trong tháng

Điểm nổi bật của tháng 6 là sự phân kỳ giữa biến động theo tháng và kết quả so với cùng kỳ: tiêu thụ giảm 3,65% so với tháng 5 nhưng vẫn cao hơn 13,71% so với tháng 6/2025. Điều này cho thấy thị trường hạ nhiệt theo mùa, chưa phải đảo chiều xu hướng của nửa đầu năm. [\[Xem thêm\]](#)

Theo vùng, miền Nam tiêu thụ 2,74 triệu tấn và gần như đi ngang; miền Bắc đạt 2,68 triệu tấn, giảm khoảng 5%; miền Trung đạt 2,08 triệu tấn, giảm khoảng 3%. Cơ cấu này phản ánh tác động mùa mưa và tiến độ dự án khác nhau giữa các khu vực.

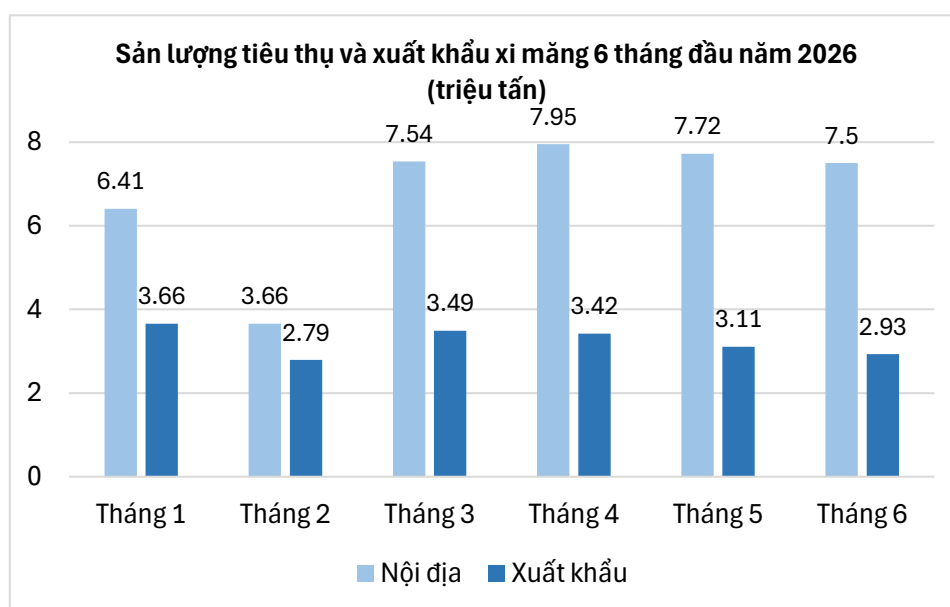
Trong xuất khẩu, lượng xi măng thành phẩm ổn định nhưng clinker giảm mạnh theo tháng. Giá trị bình quân khoảng 38 USD/tấn, thấp hơn cùng kỳ, cho thấy tăng sản lượng chưa đồng nghĩa cải thiện hiệu quả nếu cước biển, tỷ giá và giá bán tại thị trường đích bất lợi.

Đầu tư công tiếp tục là trụ đỡ khi giải ngân 6 tháng tăng 13,5% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, mức thực hiện mới đạt 33,3% kế hoạch, vì vậy tác động tới cầu vật liệu trong nửa

cuối năm phụ thuộc khả năng chuyển vốn thành khối lượng thi công thực tế. [\[Xem thêm\]](#)

Phiên giao dịch carbon đầu tiên ghi nhận INSEE Việt Nam giao dịch 510 tấn CO₂e. Quy mô còn nhỏ nhưng có ý nghĩa thử nghiệm quy trình định lượng, xác minh và hạch toán carbon, qua đó chuẩn bị cho giai đoạn thị trường vận hành đầy đủ hơn. [\[Xem thêm\]](#)

Philippines tiếp tục duy trì thuế chống bán phá giá đối với xi măng Portland loại 1 nhập khẩu từ Việt Nam trong 5 năm. Mức thuế khác nhau theo doanh nghiệp làm tăng yêu cầu phân tách thị trường, kiểm soát giá xuất khẩu và chủ động hồ sơ phòng vệ thương mại. [\[Xem thêm\]](#)



CHUYỂN ĐỘNG NGÀNH & DOANH NGHIỆP

Chuyển động quốc tế

Thị trường xi măng quốc tế trong tháng 7 phân hóa mạnh: nhu cầu tăng tại một số nền kinh tế mới nổi, trong khi dư thừa công suất, chi phí carbon và các biện pháp phòng vệ thương mại tiếp tục định hình dòng chảy clinker - xi măng.

Philippines quyết định tiếp tục áp thuế chống bán phá giá với xi măng Portland loại 1 nhập khẩu từ Việt Nam. Theo quyết định công bố ngày 10/7, biện pháp được duy trì thêm 5 năm, với mức áp dụng khác nhau cho từng nhà sản xuất và xuất khẩu.

Mức thuế nêu trong quyết định dao động từ 2,12% đối với một số doanh nghiệp đến trên 23% đối với nhóm còn lại. Đây là rủi ro đáng chú ý với thị trường xuất khẩu truyền thống và yêu cầu doanh nghiệp củng cố quản trị giá, xuất xứ và dữ liệu giao dịch. [\[Xem thêm\]](#)

Indonesia tiêu thụ 30,7 triệu tấn xi măng trong 6 tháng đầu năm, tăng 11%; riêng tháng 6 đạt 5,69 triệu tấn, tăng 13% so với cùng kỳ. Xi măng rời tăng nhanh hơn xi măng bao, phản ánh sức cầu từ dự án, song dư thừa công suất vẫn gây áp lực cạnh tranh. [\[Xem thêm\]](#)

Ngành xi măng Thái Lan đã cắt giảm lũy kế hơn 3,8 triệu tấn CO₂e kể từ năm 2019, chủ yếu nhờ hạ tỷ lệ clinker và tăng sử dụng vật liệu thay thế. Kết quả này cho thấy tối ưu thành phần xi măng có thể tạo hiệu quả giảm phát thải sớm hơn các công nghệ thu giữ carbon quy mô lớn. [\[Xem thêm\]](#)

Tiêu thụ xi măng Brazil tiếp tục tăng bất chấp áp lực chi phí đầu vào. Động lực đến từ xây dựng nhà ở và hạ tầng, nhưng lãi suất, nhiên liệu và logistics vẫn là các yếu tố quyết định khả năng chuyển tăng trưởng sản lượng thành lợi nhuận. [\[Xem thêm\]](#)

Tại Peru, tiêu thụ xi măng cải thiện và Việt Nam trở thành nguồn cung lớn thứ hai. Cơ hội mở rộng xuất khẩu đi cùng yêu cầu cạnh tranh về cước tàu, độ ổn định lịch giao hàng và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của từng thị trường. [\[Xem thêm\]](#)

Petcoke lấy lại lợi thế chi phí so với than: ngày 22/6, petcoke FOB 6,5% lưu huỳnh ở mức khoảng 73 USD/tấn, so với than API4 khoảng 106 USD/tấn. Khoảng chiết khấu mở ra dư địa tối ưu phối liệu nhiên liệu, nhưng cần tính đủ lưu huỳnh, phát thải và chi phí xử lý. [\[Xem thêm\]](#)

Áp lực carbon tiếp tục tăng tại châu Âu. Ngành xi măng Anh kiến nghị cải cách cơ chế chi phí carbon để bảo vệ năng lực cạnh tranh, trong khi Tây Ban Nha dành hơn 300 triệu euro hỗ trợ khử carbon cho các ngành phát thải lớn, gồm xi măng. [\[Xem thêm\]](#)

Bối cảnh thị trường trong nước

Thị trường trong nước nửa đầu năm 2026 cải thiện rõ so với cùng kỳ nhưng phân hóa theo phân khúc. Hạ tầng và công nghiệp giữ vai trò dẫn dắt; xây dựng dân dụng, bất động sản thương mại và một số thị trường địa phương phục hồi chậm hơn. [\[Xem thêm\]](#)

Tiêu thụ xi măng nội địa 6 tháng đạt 41,58 triệu tấn, tăng khoảng 16%. Trong tháng 6, nhóm doanh nghiệp ngoài VICEM và FDI chiếm 52,9% thị trường nội địa, VICEM 27,5% và khối FDI 19,6%, cho thấy cạnh tranh phân phối vẫn rất cao.

Chiến lược VICEM giai đoạn 2026 - 2030 ưu tiên tái cơ cấu, hiện đại hóa sản xuất, nâng hiệu quả tài sản và phát triển xanh. Đây là hướng chuyển cần thiết trong bối cảnh dư cung, biên lợi nhuận mỏng và yêu cầu đầu tư cho giảm phát thải ngày càng lớn. [\[Xem thêm\]](#)

Thị trường carbon thử nghiệm tạo thêm một lớp chi phí và cơ hội mới. Doanh nghiệp có dữ liệu phát thải tin cậy, dự án giảm phát thải có thể kiểm chứng và năng lực dự báo hạn ngạch sẽ có lợi thế hơn khi cơ chế giao dịch mở rộng. [\[Xem thêm\]](#)

Đề xuất tổ hợp Xi măng Bạch Đằng tại Quảng Trị có quy mô lớn, gần nhà máy, vùng nguyên liệu và cảng. Nếu được xem xét, dự án cần chứng minh cân đối cung - cầu, hiệu quả logistics và lộ trình carbon để tránh gia tăng áp lực dư thừa công suất. [\[Xem thêm\]](#)

Nhà máy Liên Khê đi vào vận hành bổ sung nguồn clinker mới cho phía Bắc. Trong ngắn hạn, tác động thị trường sẽ phụ thuộc tốc độ chạy ổn định, chất lượng sản phẩm, chi phí vận chuyển và khả năng xây dựng kênh tiêu thụ. [\[Xem thêm\]](#)

Giá nhiên liệu có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng chưa đủ kéo mặt bằng giá VLXD đi xuống. Chi phí điện, vận tải, nguyên liệu và sự thiếu hụt cát - đá cục bộ vẫn khiến giá đến chân công trình phân hóa mạnh theo địa phương. [\[Xem thêm\]](#)

Thép xây dựng ổn định hơn sau các đợt điều chỉnh đầu năm, trong khi cát và đá tiếp tục nhạy cảm với nguồn cung mỏ và tiến độ dự án. Sự phân hóa này khiến chỉ số giá chung không phản ánh đầy đủ chi phí thực tế của từng gói thầu. [\[Xem thêm\]](#)

Điểm nhấn doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh VICEM khởi sắc trong nửa đầu năm với lợi nhuận toàn Tổng công ty hơn 500 tỷ đồng. Kết quả phản ánh sức cầu cải thiện và nỗ lực tái cơ cấu, nhưng yêu cầu nâng hiệu suất tài sản và xử lý các điểm nghẽn vận hành vẫn còn lớn. [\[Xem thêm\]](#)

VICEM Hà Tiên ghi nhận lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 6 tháng đạt 216,07 tỷ đồng, tăng 109,46%; dư nợ vay cuối

kỳ giảm 35,66%. Riêng quý II, doanh thu đạt 2.260,99 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 138,23 tỷ đồng. [\[Xem thêm\]](#)

Xi măng La Hiên đạt lợi nhuận sau thuế quý II 20,1 tỷ đồng, tăng 47,13%. Doanh thu tăng 5,01% trong khi giá vốn chỉ tăng 1,97%, giúp lợi nhuận gộp tăng 22,05% và cho thấy vai trò của kiểm soát chi phí trong cải thiện kết quả. [\[Xem thêm\]](#)

Xi măng Đồng Lâm đầu tư hệ thống nhiên liệu thay thế theo hình thức EPC. Dự án đáng chú ý ở tính đồng bộ từ xử lý đến cấp liệu, là điều kiện quan trọng để nâng tỷ lệ thay thế mà không làm giảm ổn định lò và chất lượng clinker. [\[Xem thêm\]](#)

VICEM tiếp tục tái cơ cấu theo hướng quản trị tập trung hơn, sử dụng hiệu quả tài sản và nâng năng lực cạnh tranh. Thách thức là chuyển các mục tiêu chiến lược thành chỉ tiêu đo lường cụ thể về năng suất, dòng tiền, năng lượng và phát thải. [\[Xem thêm\]](#)

INSEE Việt Nam thực hiện giao dịch 510 tấn CO₂e trong phiên đầu tiên. Giao dịch thử nghiệm giúp doanh nghiệp kiểm tra quy trình phê duyệt, chuyển giao và ghi nhận tài sản carbon trước khi thị trường tăng quy mô. [\[Xem thêm\]](#)

Công suất mới tại Liên Khê và các đề xuất dự án mới cho thấy dòng vốn vẫn quan tâm ngành xi măng. Tuy nhiên, tiêu chí quyết định hiệu quả đang dịch chuyển từ công suất thiết kế sang chi phí toàn vòng đời, logistics và cường độ carbon. [\[Xem thêm\]](#)

Bức tranh doanh nghiệp quý II tích cực hơn nhưng chưa đồng đều. Nhóm kiểm soát tốt giá vốn, giảm nợ vay, khai thác thị trường nội địa và đầu tư tiết kiệm năng lượng có khả năng cải thiện lợi nhuận nhanh hơn nhóm phụ thuộc sản lượng đơn thuần.

Xu hướng nổi bật của ngành

Xu hướng nổi bật của ngành là chuyển từ mở rộng sản lượng sang tối ưu hiệu suất và cường độ carbon. Dữ liệu vận hành, tỷ lệ clinker, nhiên liệu thay thế và chất lượng sản phẩm đang trở thành các biến số cạnh tranh trực tiếp.

Công nghệ tiền xử lý giúp đồng nhất độ ẩm, kích thước và nhiệt trị của nhiên liệu thay thế trước khi cấp vào lò. Đây là mắt xích quyết định khả năng nâng tỷ lệ thay thế mà vẫn kiểm soát cháy, clo, lưu huỳnh và chất lượng clinker. [\[Xem thêm\]](#)

AI mở rộng dự địa giảm phát thải thông qua dự báo chất lượng nguyên liệu, tối ưu nhiệt, cảnh báo bất thường và điều khiển quá trình theo thời gian thực. Giá trị lớn nhất đến từ giảm biến động vận hành, không chỉ từ tự động hóa báo cáo. [\[Xem thêm\]](#)

Thị trường carbon thúc đẩy doanh nghiệp chuẩn hóa dữ liệu phát thải đến từng dây chuyền. Đo lường và thẩm tra tốt giúp lượng hóa hiệu quả của phát điện nhiệt dư, phụ gia khoáng, nhiên liệu thay thế và các dự án nâng cấp thiết bị. [\[Xem thêm\]](#)

Geopolymer từ chất thải bauxite kết hợp công nghệ in 3D là hướng nghiên cứu nhằm giảm hoặc loại bỏ xi măng Portland trong một số ứng dụng. Tiềm năng lớn, nhưng cần tiếp tục đánh giá độ bền dài hạn, tiêu chuẩn và khả năng mở rộng thương mại. [\[Xem thêm\]](#)

Giảm tỷ lệ clinker trong xi măng tiếp tục là giải pháp có thể triển khai sớm để cắt phát thải. Kinh nghiệm Thái Lan cho thấy kết quả phụ thuộc hệ tiêu chuẩn, nguồn phụ gia khoáng và sự chấp nhận của thị trường đối với sản phẩm mới. [\[Xem thêm\]](#)

Số hóa logistics ngày càng quan trọng khi thị trường nội địa phân tán và xuất khẩu chịu áp lực cước. Tối ưu tuyến giao hàng, tải trọng, tồn kho tại trạm phân phối và lịch tàu có thể tạo chênh lệch biên lợi nhuận đáng kể.

Trong giai đoạn mới, doanh nghiệp cần tích hợp ba chương trình: hiệu suất vận hành, kinh tế tuần hoàn và quản trị carbon. Thực hiện rời rạc có thể tạo dự án đơn lẻ; tích hợp theo dữ liệu mới tạo ra lợi thế chi phí và khả năng đáp ứng thị trường.

BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Nhận định - xu hướng

Tháng 6 cho thấy cầu xi măng chậm lại theo mùa nhưng vẫn duy trì nền cao hơn cùng kỳ. Tổng tiêu thụ giảm

3,65% theo tháng, trong khi tăng 13,71% theo năm; vì vậy cần phân biệt điều chỉnh ngắn hạn với xu hướng phục hồi của cả nửa đầu năm. [\[Xem thêm\]](#)

Miền Nam có mức giảm nhẹ nhất, phản ánh lực đỡ từ hạ tầng và dự án lớn. Miền Bắc giảm mạnh hơn trong tháng do thời tiết và tiến độ thi công, nhưng vẫn là thị trường có quy mô tương đương miền Nam.

Xuất khẩu giảm nhanh hơn nội địa. Clinker là phần biến động chính, trong khi xi măng thành phẩm gần như đi ngang. Cơ cấu này giúp xác định rủi ro nằm nhiều hơn ở đơn hàng khối lượng lớn, nhạy cảm với cước tàu và giá FOB.

Cát và đá vẫn là điểm nóng tại các địa phương có nhiều dự án hạ tầng triển khai đồng thời. Giá đến chân công trình phụ thuộc lớn vào cự ly vận chuyển, công suất mỏ và thủ tục cấp phép nên chênh lệch đáng kể so với giá công bố tại nguồn. [\[Xem thêm\]](#)

Giá thép xây dựng dao động trong vùng ổn định hơn, tạo một phần dư địa kiểm soát chi phí cho nhà thầu. Tuy nhiên, mặt bằng giá xi măng, cát, đá và vận chuyển chưa giảm đồng bộ nên tổng chi phí gói thầu vẫn chịu áp lực. [\[Xem thêm\]](#)

Giá xi măng sau các đợt điều chỉnh trước đó nhìn chung được giữ. Chi phí nhiên liệu có dấu hiệu dịu nhưng chưa đủ bù điện, vận tải, phụ tùng và tài chính; cạnh tranh cao cũng hạn chế khả năng chuyển toàn bộ chi phí sang giá bán. [\[Xem thêm\]](#)

Xu hướng quý III nhiều khả năng tiếp tục phân hóa: hạ tầng và công nghiệp giữ cầu, dân dụng chịu ảnh hưởng mùa mưa, xuất khẩu phụ thuộc từng thị trường. Doanh nghiệp cần quản trị theo vùng và kênh bán thay vì dựa trên một mức tăng trưởng chung.

Chính sách - quy hoạch

Chính sách tháng 7 tập trung vào tăng tốc đầu tư, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, chuẩn bị thị trường carbon và bảo đảm nguồn vật liệu. Các chính sách này tác động trực tiếp đến cả phía cầu và chi phí đầu vào của ngành xi măng.

Giải ngân vốn ngân sách 6 tháng đạt khoảng 336 nghìn tỷ đồng, tăng 13,5% nhưng mới bằng 33,3% kế hoạch năm. Phần vốn còn lại tạo dư địa cầu lớn, song chỉ phát huy khi mặt bằng, thủ tục và nguồn vật liệu được tháo gỡ đồng thời. [\[Xem thêm\]](#)

Quyết định số 1075/QĐ-BXD ngày 29/6 định hướng VICEM giai đoạn 2026 - 2030 theo tái cơ cấu, hiện đại hóa sản xuất và tăng trưởng xanh. Việc triển khai sẽ ảnh hưởng đến đầu tư dây chuyền, danh mục tài sản và chiến lược sản phẩm của khối VICEM. [\[Xem thêm\]](#)

Giao dịch hạn ngạch phát thải carbon từ cuối tháng 6 là bước chuẩn bị cho cơ chế thị trường. Doanh nghiệp thuộc diện kiểm kê cần sớm thống nhất ranh giới phát thải, phương pháp đo lường, hồ sơ dữ liệu và trách nhiệm phê duyệt nội bộ. [\[Xem thêm\]](#)

Đối với cát, đá và đất san lấp, trọng tâm quản lý là điều phối nguồn mỏ, rút ngắn thủ tục hợp pháp và bảo đảm truy xuất. Cấp thêm nguồn cung chỉ có hiệu quả khi đồng bộ năng lực vận chuyển và tiến độ sử dụng tại công trường.

Các dự án xi măng mới cần được đánh giá trong bối cảnh dư cung toàn ngành và lộ trình carbon. Hiệu quả thị trường, vùng nguyên liệu, hạ tầng cảng và công nghệ giảm phát thải phải được xem xét như một hệ thống thay vì từng hạng mục riêng lẻ. [\[Xem thêm\]](#)

Phòng vệ thương mại tại Philippines cho thấy chính sách thị trường đích có thể thay đổi hiệu quả xuất khẩu nhanh chóng. Hồ sơ chi phí, giá bán, xuất xứ và dữ liệu khách hàng cần được quản trị như một phần của chiến lược thị trường. [\[Xem thêm\]](#)

Tác động chính sách trong nửa cuối năm sẽ phụ thuộc chất lượng thực thi. Đầu tư công tạo cầu, nhưng yêu cầu carbon và thương mại làm tăng chuẩn cạnh tranh; doanh nghiệp chủ động dữ liệu và đầu tư hiệu suất sẽ có khả năng thích ứng tốt hơn.

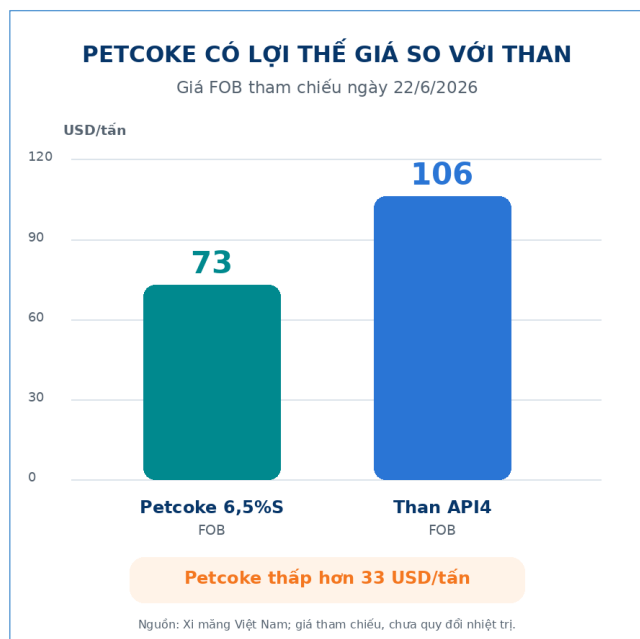
Biến động giá nguyên nhiên vật liệu

Thị trường nguyên nhiên liệu tháng 6 - 7 có tín hiệu dịu ở một số mặt hàng, đặc biệt petcoke, nhưng tổng chi phí

sản xuất xi măng chưa giảm tương ứng do điện, logistics, tỷ giá và yêu cầu xử lý môi trường vẫn cao. [\[Xem thêm\]](#)

Petcoke 6,5% lưu huỳnh FOB được ghi nhận khoảng 73 USD/tấn ngày 22/6, thấp hơn đáng kể than API4 khoảng 106 USD/tấn. Lợi thế giá tạo cơ hội điều chỉnh phối trộn nhiên liệu cho các lò có thiết kế và giấy phép phù hợp.

[\[Xem thêm\]](#)



Khoảng chiết khấu danh nghĩa không phải toàn bộ mức tiết kiệm. Doanh nghiệp phải tính thêm nhiệt trị hữu ích, hàm lượng lưu huỳnh, độ ẩm, chi phí nghiền - cấp liệu, tác động đến SOx và chất lượng clinker trước khi thay đổi tỷ lệ sử dụng.

Than vẫn là nguồn nhiên liệu nền của nhiều nhà máy nhờ tính ổn định và hạ tầng tiếp nhận sẵn có. Biến động giá than quốc tế, cước tàu và tỷ giá tiếp tục tác động trực tiếp đến chi phí nhiệt của clinker.

Chi phí điện chưa tạo dư địa giảm rõ rệt. Các giải pháp phát điện tận dụng nhiệt khí thải, tối ưu quạt - nghiền, điều chỉnh phụ tải và giám sát suất tiêu hao vẫn là nhóm đầu tư có tác động trực tiếp nhất đến chi phí vận hành.

Trong ngắn hạn, chiến lược nhiên liệu nên dựa trên rõ nguyên liệu thay vì đặt cược vào một loại duy nhất. Linh hoạt hợp đồng, năng lực đồng xử lý và kiểm soát chất lượng đầu vào giúp doanh nghiệp giảm rủi ro biến động giá và nguồn cung.

Biến động giá VLXD

Giá VLXD tháng 6 phân hóa theo địa phương và điểm giao hàng. Thép ổn định hơn; xi măng giữ mặt bằng sau các đợt điều chỉnh; cát, đá và vật liệu san lấp tiếp tục nhạy cảm với nguồn mỏ, cự ly vận chuyển và tiến độ dự án.

[\[Xem thêm\]](#)

Xi măng PCB40 bao được ghi nhận trong khoảng tham chiếu rộng 1,68 - 2,40 triệu đồng/tấn tùy thương hiệu, địa phương và điều kiện giao hàng. Giá niêm yết không phản ánh đầy đủ chiết khấu thương mại và chi phí vận chuyển.

Thép D10 CB300 phổ biến khoảng 14,0 - 16,0 triệu đồng/tấn. So với các tháng tăng đầu năm, thị trường ổn định hoặc điều chỉnh nhẹ, song vẫn cần theo dõi giá quặng, phế liệu và cạnh tranh giữa các nhà sản xuất.

Cát xây trát và đá 1x2 có biên độ giá lớn giữa các khu vực. Tại nơi nguồn cung hạn chế hoặc cự ly vận chuyển dài, giá đến công trường có thể cao đáng kể so với báo giá tại mỏ.

Bảng giá tham chiếu một số VLXD chủ yếu tháng 06/2026

TT	Vật liệu	Mức giá tham chiếu T6/2026	Diễn biến
1	Xi măng PCB40 bao, đ/tấn	1,68 - 2,40 triệu	Ổn định/phân hóa
2	Thép D10 CB300, đ/tấn	14,0 - 16,0 triệu	Đi ngang/giảm nhẹ
3	Cát xây trát, đ/m ³	270.000 - 850.000	Neo cao, phân hóa
4	Đá xây dựng 1x2, đ/m ³	510.000 - 750.000	Mức cao
5	Nhựa đường 60/70, đ/kg	Khoảng 18.300	Ít biến động
6	Gạch tuynel lỗ A1, đ/viên	Khoảng 1.630	Ổn định
7	Gạch Cotto 400x400, đ/m ²	Khoảng 105.500	Ổn định

Nhựa đường, gạch xây và gạch lát nhìn chung ít biến động hơn nhóm cát - đá. Tuy nhiên, giá thực mua còn phụ

thuộc khối lượng, quy cách, thuế, vận chuyển và điều khoản thanh toán.

Mặt bằng giá chưa giảm đồng bộ dù nhiên liệu dịu hơn, vì chi phí vật liệu chỉ là một phần của giá thành. Điện, nhân công, khấu hao, tài chính, logistics và cung - cầu cục bộ tiếp tục giữ giá ở mức cao. [\[Xem thêm\]](#)

Lưu ý: các mức trong bảng là khoảng tham chiếu tổng hợp, không phải giá bình quân quốc gia. Giá có thể đã hoặc chưa gồm VAT và vận chuyển tùy nguồn công bố; cần đối chiếu công bố giá địa phương và báo giá nhà cung cấp khi lập dự toán.

Phân tích tác động

Diễn biến tháng 6 làm tăng yêu cầu quản trị theo kịch bản. Khi cầu chậm theo mùa nhưng giá đầu vào chưa giảm tương ứng, doanh nghiệp dễ chịu áp lực kìm về tồn kho, dòng tiền và biên lợi nhuận.

Với nhà sản xuất xi măng, cơ hội nằm ở tối ưu lịch lò, giảm suất tiêu hao, điều chỉnh tỷ lệ clinker và phân bổ sản phẩm theo vùng. Chạy công suất cao trong giai đoạn bán hàng chậm có thể làm tăng tồn kho và chi phí vốn.

Với chủ đầu tư và nhà thầu, cát - đá là nhóm rủi ro lớn hơn về địa điểm và tiến độ. Hợp đồng cần quy định rõ điểm giao hàng, nguồn mỏ, cơ chế điều chỉnh giá và phương án thay thế để hạn chế gián đoạn thi công.

Với xuất khẩu, sản lượng clinker giảm theo tháng và phòng vệ thương mại tại Philippines nhấn mạnh rủi ro tập trung. Đa dạng thị trường phải đi cùng quản trị cước, tín dụng khách hàng, chất lượng và tuân thủ từng điểm đến. [\[Xem thêm\]](#)

Tác động tổng hợp là sự dịch chuyển cạnh tranh từ giá bán sang hiệu quả toàn chuỗi. Doanh nghiệp có dữ liệu chi phí đến từng sản phẩm, vùng và khách hàng sẽ phản ứng nhanh hơn trước biến động cầu, nhiên liệu và logistics.

NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO

Tín hiệu thị trường

Tín hiệu tích cực nhất là nền tiêu thụ 6 tháng cao hơn cùng kỳ, trong khi sản xuất công nghiệp, FDI và đầu tư công cùng tăng. Đây là cơ sở để kỳ vọng nhu cầu xi măng và VLXD tiếp tục được nâng đỡ trong nửa cuối năm. [\[Xem thêm\]](#)

Tín hiệu thận trọng là mức giảm theo tháng của tiêu thụ nội địa và xuất khẩu trong tháng 6. Mùa mưa, tiến độ giải ngân và sự phục hồi chậm của xây dựng dân dụng có thể khiến quý III không tăng đồng đều giữa các vùng. [\[Xem thêm\]](#)

Xuất khẩu vẫn giúp cân đối cung cầu nhưng hiệu quả phụ thuộc mạnh vào cơ cấu sản phẩm. Xi măng thành phẩm ổn định hơn clinker trong tháng 6; rào cản tại Philippines và giá bình quân giảm đòi hỏi lựa chọn đơn hàng theo lợi nhuận thực. [\[Xem thêm\]](#)

Chi phí nhiên liệu có tín hiệu thuận lợi hơn, đặc biệt petcoke, nhưng chưa đủ tạo xu hướng giảm giá VLXD. Doanh nghiệp chỉ có thể chuyển lợi thế thị trường thành lợi nhuận khi tối ưu kỹ thuật và logistics đồng thời. [\[Xem thêm\]](#)

Kịch bản cơ sở cho quý III là thị trường đi ngang đến tăng nhẹ so với cùng kỳ nhưng biến động theo tháng. Đầu tư công và công nghiệp là lực đỡ; thời tiết, xuất khẩu và chi phí carbon là các yếu tố làm tăng độ phân hóa.

Trụ đỡ chính và yếu tố hỗ trợ

Đầu tư công là trụ đỡ lớn nhất. Phần vốn chưa giải ngân còn nhiều, tập trung tại giao thông, đô thị và công trình công cộng; nhu cầu vật liệu sẽ tăng khi các dự án chuyển từ thủ tục sang thi công khối lượng lớn. [\[Xem thêm\]](#)

FDI thực hiện đạt mức cao nhất 5 năm, hỗ trợ xây dựng nhà máy, khu công nghiệp, kho bãi và hạ tầng phụ trợ. Đây là nguồn cầu có tính ổn định hơn dân dụng và thường ưu tiên chất lượng, tiến độ, chứng chỉ môi trường. [\[Xem thêm\]](#)

Nền tiêu thụ nội địa 41,58 triệu tấn trong 6 tháng cho thấy thị trường trong nước tiếp tục là trụ cột. Miền Nam

duy trì tốt hơn trong tháng 6, trong khi miền Bắc và Trung có thể phục hồi khi điều kiện thi công thuận lợi hơn.

Giá petcoke giảm tương đối so với than mở ra dư địa chi phí cho nhà máy phù hợp. Cùng với phát điện nhiệt dư, tối ưu nghiền và nhiên liệu thay thế, đây là nhóm giải pháp có thể hỗ trợ biên lợi nhuận trong ngắn hạn. [\[Xem thêm\]](#)

Chính sách tái cơ cấu và thị trường carbon tạo động lực cho đầu tư hiệu suất. Doanh nghiệp triển khai sớm hệ thống dữ liệu và dự án giảm phát thải có thể giảm chi phí tuân thủ, đồng thời nâng khả năng tiếp cận khách hàng xanh. [\[Xem thêm\]](#)

Cơ hội và thách thức

Cơ hội thị trường đến từ cao tốc, vành đai, sân bay, cảng, khu công nghiệp và logistics. Đây là nhóm dự án cần khối lượng vật liệu lớn, có tiến độ nhiều năm và có thể tạo cầu tương đối ổn định cho xi măng, bê tông, cát và đá.

Cơ hội công nghệ đến từ giảm clinker, tiền xử lý nhiên liệu thay thế, AI và quản trị năng lượng. Các giải pháp này đồng thời tác động đến chi phí và phát thải, phù hợp với yêu cầu cạnh tranh mới của ngành. [\[Xem thêm\]](#)

Thách thức lớn nhất vẫn là dư cung. Công suất mới và dự án đề xuất có thể làm cạnh tranh gay gắt hơn nếu tăng trưởng cầu không theo kịp, nhất là tại những vùng có nhiều nhà máy và chi phí vận chuyển cao. [\[Xem thêm\]](#)

Rủi ro xuất khẩu tăng khi các nước áp dụng phòng vệ thương mại và tiêu chuẩn carbon. Việc phụ thuộc vào một số thị trường khối lượng lớn có thể gây biến động đơn hàng, giá bán và kế hoạch vận hành. [\[Xem thêm\]](#)

Doanh nghiệp có lợi thế sẽ là doanh nghiệp kiểm soát được bốn yếu tố: nguồn nguyên liệu, hiệu suất lò, logistics và dữ liệu carbon. Quy mô vẫn quan trọng, nhưng không còn đủ để bảo đảm khả năng sinh lời.

Áp lực và triển vọng

Áp lực ngắn hạn trong quý III đến từ mùa mưa, tồn kho, cạnh tranh giá và chi phí vốn. Nếu tiêu thụ theo tháng tiếp tục chậm, việc điều chỉnh lịch sản xuất sẽ quan trọng hơn mục tiêu chạy tối đa công suất.

Áp lực trung hạn là đầu tư cho môi trường và carbon. Các khoản đầu tư có thời gian hoàn vốn dài cần được xếp hạng theo tác động đến suất tiêu hao, mức giảm phát thải có thể xác minh và khả năng tạo doanh thu. [\[Xem thêm\]](#)

Nguồn cung cát, đá và vật liệu san lấp tiếp tục là rủi ro đối với dự án hạ tầng. Chậm cấp phép mỏ hoặc thiếu phương tiện vận chuyển có thể khiến tiến độ thi công và cầu xi măng thực tế lệch khỏi kế hoạch vốn.

Triển vọng nửa cuối năm vẫn nghiêng về cải thiện nhờ tăng trưởng kinh tế, FDI và đầu tư công. Tuy nhiên, tăng trưởng sẽ không đồng đều; nhóm sản phẩm gắn hạ tầng và công nghiệp có khả năng tốt hơn nhóm phụ thuộc dân dụng. [\[Xem thêm\]](#)

Theo kịch bản cơ sở, thị trường tháng 7 - 9 duy trì nền cao hơn cùng kỳ nhưng có thể dao động so với tháng trước. Doanh nghiệp nên ưu tiên dòng tiền, biên lợi nhuận theo đơn hàng và kế hoạch sản xuất linh hoạt thay vì chạy theo sản lượng.

KẾT NỐI ĐỘC GIẢ

Hỏi đáp?

Petcoke rẻ hơn than có đồng nghĩa nhà máy nên tăng mạnh tỷ lệ sử dụng?

Không hoàn toàn. Giá mua theo tấn chỉ là một phần của quyết định. Nhà máy phải quy đổi về chi phí trên đơn vị nhiệt hữu ích và tính đến độ ẩm, tro, lưu huỳnh, khả năng nghiền, độ ổn định và ảnh hưởng đến chất lượng clinker.

Tăng petcoke có thể làm thay đổi cân bằng lưu huỳnh - kiềm trong hệ thống lò, ảnh hưởng đóng bắm và phát thải SOx. Giới hạn phù hợp phụ thuộc thiết kế lò, thành phần nguyên liệu, hệ thống xử lý khí và điều kiện giấy phép môi trường của từng nhà máy.

Cách tiếp cận phù hợp là thử nghiệm có kiểm soát, theo dõi đồng thời nhiệt tiêu hao, năng suất lò, chất lượng clinker, phát thải và chi phí xử lý. Chỉ nên nâng tỷ lệ khi tổng chi phí trên một tấn clinker giảm mà độ ổn định vận hành vẫn được bảo đảm.

💡 Bạn có biết?

Nhà máy xi măng INSEE Hòn Chông – một vị trí công nghiệp đặc biệt

Nhà máy xi măng INSEE Hòn Chông tại Kiên Lương, Kiên Giang có tiền thân là Công ty Xi măng Sao Mai – Morning Star Cement, liên doanh thành lập năm 1994 giữa Holderbank/Holcim của Thụy Sĩ, nắm 65% vốn, và Xi măng Hà Tiên 1 – đại diện phía Việt Nam, nắm 35%.

Nhà máy bắt đầu hoạt động năm 1998 và đến năm 2002 đổi tên thành Holcim Việt Nam. Sau khi hai tập đoàn Holcim và Lafarge hợp nhất trên toàn cầu năm 2015. Cuối năm 2016, Siam City Cement Public Company Limited – SCCC của Thái Lan mua lại phần vốn 65% của LafargeHolcim; từ năm 2017, hệ thống được đổi thương hiệu thành INSEE Việt Nam.

Điểm đặc biệt của Hòn Chông là toàn bộ nhà máy, mỏ sét, các núi đá vôi nguyên liệu và cảng biển được bố trí tập trung trên một khu vực ven Vịnh Thái Lan. Vị trí này giúp rút ngắn cự ly vận chuyển nguyên liệu và tạo thuận lợi lớn cho việc đưa clinker, xi măng bằng đường biển đến các trạm nghiền và thị trường tiêu thụ phía Nam. Từ lợi thế này, INSEE đã xây dựng khá nhiều trạm nghiền tại các khu vực khác như TPHCM, Long An...

Tuy nhiên, nền đất ven biển yếu khiến nhiều hạng mục của nhà máy phải đặt trên hệ thống cọc sâu; trong khi các núi đá vôi dạng karst có diện tích và chiều cao hạn chế nên khai trường phải phát triển dần xuống cốt âm, có nơi thấp hơn mực nước biển, đòi hỏi kiểm soát nghiêm ngặt nước ngầm, thoát nước mỏ và ổn định bờ tầng. Đây đồng thời là vùng karst có tính đa dạng sinh học và mức độ đặc hữu cao, vì vậy khai thác khoáng sản, phục hồi môi trường và bảo tồn các núi đá vôi còn lại luôn là bài toán đặc thù gắn với hoạt động của nhà máy.



GIỚI THIỆU DỊCH VỤ THÔNG TIN - DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH

Dịch vụ cung cấp báo cáo - tài liệu chuyên ngành: cung cấp thông tin, số liệu và phân tích chuyên sâu về sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu, diễn biến giá theo vùng cùng các yếu tố thị trường và chính sách tác động đến ngành xi măng.

- Theo tháng: Báo cáo sản xuất và tiêu thụ xi măng (MCR)
- Theo quý: Báo cáo thị trường xi măng (QCR)
- Theo 6 tháng: Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất và tiêu thụ xi măng 6 tháng đầu năm (6MCR)
- Theo năm: Báo cáo Ngành xi măng Việt Nam (VNCR)
- Và các Báo cáo chuyên đề theo đơn đặt hàng...

Dịch vụ truy cập và khai thác CSDL chuyên ngành xi măng, bê tông và VLXD.

Để tra cứu thông tin - dữ liệu chi tiết theo từng chỉ tiêu, người dùng có thể truy cập Cem.Data (cemdata.vn) - nền tảng cơ sở dữ liệu chuyên ngành xi măng, bê tông và VLXD, hỗ trợ phân tích thị trường và hoạch định chiến lược.



Hãy đăng ký nhận Báo cáo Thị trường xi măng định kỳ hoặc đăng ký thành viên Cem.Data để không bỏ lỡ các thông tin chuyên ngành xi măng cập nhật, tin cậy và có chiều sâu về thị trường trong nước và quốc tế.

CHI TIẾT LIÊN HỆ:

- Ms. Chi (zalo): [0986 947 395](tel:0986947395)
- Hotline: [0913 513 465](tel:0913513465)
- Email: gamma@ximang.vn
- Zalo OA: [Trung tâm Thông tin xi măng Gamma](#)



ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

01

Các nhà sản xuất,
nhà phân phối,
đại lý kinh doanh

02

Nhà thầu xây dựng,
nhà cung cấp thiết bị
vật tư, phụ gia

03

Các nhà đầu tư,
tổ chức quốc tế quan tâm

04

Ngân hàng,
công ty chứng khoán,
tổ chức tài chính

05

Các tổ chức nghiên cứu
thị trường

06

Viện nghiên cứu,
trường Đại học
và các chuyên gia

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- Hỗ trợ hoạch định kế hoạch sản xuất và kinh doanh

- Đánh giá xu hướng thị trường, lĩnh vực đầu tư

- Đánh giá thương hiệu, năng lực nhà sản xuất, nhà phân phối

- Kiến thức chuyên ngành, tra cứu, sổ tay kỹ thuật, quy trình vận hành phục vụ các công đoạn sản xuất

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm Thông tin và CSDL chuyên ngành Xi măng Việt Nam

📍 Tòa HH2 Bắc Hà, 15 Tố Hữu, Thanh Xuân, Hà Nội

☎ 0905 329 019 ✉ gamma@ximang.vn

🌐 <https://csdl.ximang.vn> - cemdata.vn



Zalo OA hỗ trợ



TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH XI MĂNG VIỆT NAM (CIDC)

Địa chỉ: P2006 tòa nhà HH2 Bắc Hà, 15 Tố Hữu, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

***Zalo: 0913.513.465**

***Hotline: 0905.329.019**

***Email: gamma@ximang.vn**

***Website: ximang.vn; cement.vn**